



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 36

Ngày 20 tháng 07 năm 2025

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

14/07/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 1777/QĐ-UBND ban hành mức giá cụ thể đối với một số công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La	2
14/07/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1783/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La năm 2025	14
15/07/2025	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 15/CT-UBND về việc tăng cường thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Sơn La.	49
15/07/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 1787/QĐ-UBND về việc ban hành mức giá tối đa đối với một số công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.	52

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1777/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành mức giá cụ thể đối với một số công tác thu gom,
vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá; Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm

2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 722/TTr-STNMT ngày 30 tháng 6 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 857/BC-NNMT ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Báo cáo số 923/BC-SNNMT ngày 10 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mức giá cụ thể đối với một số công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

a) Quyết định này quy định mức giá cụ thể (*mức kinh phí*) cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (*sau đây viết tắt CTRSH*) dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải năm 2025.

b) Các nội dung liên quan đến giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La chưa được quy định tại Quyết định này thì được thực hiện theo quy định hiện hành do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

b) Cơ quan quản lý Nhà nước và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

c) Mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt được ban hành theo Quyết định này không áp dụng cho các đối tượng ký hợp đồng với các đơn vị cung ứng dịch vụ không thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan quản lý Nhà nước tỉnh Sơn La.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân

a) Phối hợp với UBND cấp xã và các chủ thu gom, chủ vận chuyển CTRSH xác định khối lượng CTRSH phát sinh của chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân theo Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan.

b) Thực hiện hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định tại Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có).

c) Cung cấp hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH cho UBND cấp xã trên địa bàn hoạt động của chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân để phục vụ cho công tác quản lý trong trường hợp chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ.

d) Thực hiện chi trả giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Chủ thu gom, chủ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Phối hợp với UBND cấp xã và các chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân xác định khối lượng CTRSH phát sinh của chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân do đơn vị mình cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển theo Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan.

b) Thực hiện hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định tại Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Sơn La hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có).

c) Cung cấp hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH cho các đơn vị quản lý nhà nước đối với hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo Quyết định này và các quy định hiện hành.

d) Thực hiện thu và chi trả giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính ban hành hướng dẫn liên ngành thực hiện việc thu giá cụ thể đối với một số công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La và công tác quản lý thu giá theo quy định.

b) Tham mưu với UBND tỉnh Sơn La điều chỉnh giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trong trường hợp cần thiết hoặc theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Tài chính, Thuế tỉnh Sơn La hướng dẫn, hỗ trợ UBND cấp xã kịp thời trong quá trình triển khai quy định giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Sơn La.

4. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện việc thu giá cụ thể đối với một số công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La và công tác quản lý thu giá theo quy định.

b) Hướng dẫn UBND cấp xã triển khai quy định về giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan; báo cáo dự toán kinh phí vận chuyển, xử lý CTRSH từ nguồn ngân sách tỉnh để làm cơ sở xem xét bố trí dự toán cho UBND cấp xã hàng năm.

5. Thuế tỉnh Sơn La

Hướng dẫn các đơn vị thực hiện chứng từ, hóa đơn thu tiền giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

6. UBND cấp xã

a) Tổ chức triển khai quy định về giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan.

b) Tuyên truyền, vận động các đối tượng liên quan triển khai thực hiện quy định giá cụ thể theo Quyết định này và các quy định hiện hành khác có liên quan; xây dựng kế hoạch tuyên truyền định kỳ hoặc dài hạn tại địa phương.

c) Chủ trì, phối hợp với đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn tổ chức thu giá cụ thể theo Quyết định này. Chỉ đạo phòng, ban chuyên môn phối hợp với chủ thu gom, chủ vận chuyển CTRSH thực hiện thống kê, quản lý cơ sở dữ liệu về khối lượng CTRSH phát sinh của tất cả hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải trên địa bàn quản lý làm cơ sở xác định mức giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH phải thu theo quy định.

d) Tổng hợp, quản lý cơ sở dữ liệu về hợp đồng chuyển giao CTRSH của tất cả hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải trên địa bàn quản lý (*bao gồm chủ nguồn thải chuyển giao CTRSH ra ngoài tỉnh*) báo cáo UBND tỉnh làm cơ sở quản lý.

đ) Định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 01 của năm sau hoặc đột xuất báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính về tình hình triển khai, quản lý, thu chi giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn cấp xã.

e) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo nguồn kinh phí thu được từ giá dịch vụ trên địa bàn cấp xã về Sở Tài chính làm cơ sở để Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện điều tiết, bố trí dự toán nguồn kinh phí vận chuyển hàng năm trên địa bàn xã.

f) Tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm theo Quyết định trong quá trình thực hiện thu và quản lý giá dịch vụ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Quyết định này là cơ sở thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La và hết hiệu lực thi hành khi UBND tỉnh ban hành giá mới.

Điều 5. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình trình ban hành mức giá cụ thể tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Trưởng Thuế tỉnh Sơn La; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã; Giám đốc các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân đang sinh sống, hoạt động trên địa bàn tỉnh Sơn La chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục

MỨC GIÁ CỤ THỂ ĐỐI VỚI MỘT SỐ CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN,
XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh)

I. Mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La

1. Nhóm 1: Nhóm đối tượng chi trả giá dịch vụ theo nguyên tắc có sự bù đắp thông qua ngân sách địa phương bao gồm: hộ gia đình, cá nhân và các chủ nguồn thải quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như cá nhân, hộ gia đình.
- a) Mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong hợp chưa triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 hoặc trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 hoặc trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân lựa chọn đóng đúng, đủ giá dịch vụ thu gom theo mức giá này:

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Giá dịch vụ thu gom	Giá dịch vụ vận chuyển	Giá dịch vụ xử lý (chưa bao gồm giá xử lý nước rỉ rác)			Ghi Chú
					Sản xuất Mùn	Chôn lấp	Đốt	
I	Khu vực đô thị loại II Giá dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH = 612 đồng/kg Giá dịch vụ vận chuyển CTRSH = 222 đồng/kg Giá dịch vụ xử lý CTRSH (hình							Từ 2025 đến hết năm 2030: Thu 60% giá thu gom, chưa thực hiện thu giá vận chuyển, xử lý CTRSH

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Giá dịch vụ thu gom	Giá dịch vụ vận chuyển	Giá dịch vụ xử lý (chưa bao gồm giá xử lý nước rỉ rác)			Ghi Chú
					Sản xuất Mùn	Chôn lấp	Đốt	
	thức sản xuất mùn kết hợp chôn lấp) = 408 đồng/kg, trong đó, sản xuất mùn = 308 đồng/kg và chôn lấp = 100 đồng/kg							
1	Nhân khẩu có khối lượng CTRSH phát sinh ≤ 27 kg/tháng	Đồng/người/tháng	17.000	6.000	8.000	3.000	-	
2	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh ≤ 100 kg/tháng	Đồng/tháng	61.000	22.000	31.000	10.000	-	
3	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh từ 100 kg/tháng đến 200 kg/tháng	Đồng/tháng	122.000	44.000	62.000	20.000	-	
4	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh từ 200 kg/tháng đến 300 kg/tháng	Đồng/tháng	184.000	67.000	92.000	30.000	-	
II	Khu vực đô thị loại III, IV, V Giá dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH = 612 đồng/kg Giá dịch vụ vận chuyển CTRSH = 233 đồng/kg Giá dịch vụ xử lý CTRSH = 100							

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Giá dịch vụ thu gom	Giá dịch vụ vận chuyển	Giá dịch vụ xử lý (chưa bao gồm giá xử lý nước rỉ rác)			Ghi Chú
					Sản xuất Mùn	Chôn lấp	Đốt	
	đồng/kg (hình thức chôn lấp); 312 đồng/kg (hình thức đốt).							
1	Nhân khẩu có khối lượng CTRSH phát sinh ≤ 24 kg/tháng	Đồng/người/tháng	15.000	6.000	-	2.000	7.000	
2	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh ≤ 100 kg/tháng	Đồng/tháng	61.000	23.000	-	10.000	31.000	
3	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh từ 100 kg/tháng đến 200 kg/tháng	Đồng/tháng	122.000	47.000	-	20.000	62.000	
4	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh từ 200 kg/tháng đến 300 kg/tháng	Đồng/tháng	184.000	70.000	-	30.000	94.000	
III	Khu vực còn lại Giá dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH = 612 đồng/kg Giá dịch vụ vận chuyển CTRSH = 233 đồng/kg Giá dịch vụ xử lý CTRSH = 100 đồng/kg (hình thức chôn lấp); 312 đồng/kg (hình thức đốt).							

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Giá dịch vụ thu gom	Giá dịch vụ vận chuyển	Giá dịch vụ xử lý (chưa bao gồm giá xử lý nước rỉ rác)			Ghi Chú
					Sản xuất Mùn	Chôn lấp	Đốt	
1	Nhân khẩu có khối lượng CTRSH phát sinh ≤ 9 kg/tháng	Đồng/người/tháng	6.000	2.000	-	900	3.000	
2	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh ≤ 100 kg/tháng	Đồng/tháng	61.000	23.000	-	10.000	31.000	
3	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh từ 100 kg/tháng đến 200 kg/tháng	Đồng/tháng	122.000	47.000	-	20.000	62.000	
4	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh từ 200 kg/tháng đến 300 kg/tháng	Đồng/tháng	184.000	70.000	-	30.000	94.000	

b) Mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trong trường hợp UBND tỉnh Sơn La triển khai thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn đúng quy định. Mức giá thu gom của 01 chủ nguồn thải được xác định bằng khối lượng CTRSH phát sinh trong 01 tháng nhân với mức giá quy định tại bảng sau:

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể chưa bao gồm thuế VAT	Ghi chú
I	Khu vực đô thị loại II			Từ 2025 đến hết năm 2030: Thu 60% giá thu gom, chưa thực hiện thu giá dịch vụ vận chuyển, xử lý CTRSH.
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH	Đồng/kg	612	
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	222	
3	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức sản xuất mùn kết hợp chôn lấp (chưa bao gồm giá xử lý nước rỉ rác)	Đồng/kg	408	
II	Khu vực đô thị loại III, IV, V			
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH	Đồng/kg	612	
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	233	
3	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức chôn lấp (chưa bao gồm giá xử lý nước rỉ rác)	Đồng/kg	100	
	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức đốt (chưa bao gồm giá xử lý nước rỉ rác)	Đồng/kg	312	
III	Khu vực còn lại			
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH	Đồng/kg	612	
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	233	

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể chưa bao gồm thuế VAT	Ghi chú
3	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức chôn lấp (chưa bao gồm giá xử lý nước rỉ rác)	Đồng/kg	100	
	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức đốt (chưa bao gồm giá xử lý nước rỉ rác)	Đồng/kg	312	

2. Nhóm 2: Nhóm đối tượng phải trả giá dịch vụ trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH bao gồm: các chủ nguồn thải quy định tại khoản 2 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và các chủ nguồn thải quy định tại khoản 1 Điều 58 chọn hình thức quản lý CTRSH như chủ nguồn thải theo khoản 2 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Mức giá thu gom của 01 chủ nguồn thải được xác định bằng khối lượng CTRSH phát sinh trong 01 tháng nhân với mức giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH quy định tại bảng sau:

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể chưa bao gồm thuế VAT
I	Khu vực đô thị loại II		
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH	Đồng/kg	612
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	222
3	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức sản xuất mùn kết hợp chôn lấp (chưa bao gồm giá xử lý nước rỉ rác)	Đồng/kg	408
II	Khu vực đô thị loại III, IV, V		
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH	Đồng/kg	612

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể chưa bao gồm thuế VAT
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	233
3	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức chôn lấp (chưa bao gồm giá xử lý nước rỉ rác)	Đồng/kg	100
	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức đốt (chưa bao gồm giá xử lý nước rỉ rác)	Đồng/kg	312
III	Khu vực còn lại		
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH	Đồng/kg	612
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	233
3	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức chôn lấp (chưa bao gồm giá xử lý nước rỉ rác)	Đồng/kg	100
	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức đốt (chưa bao gồm giá xử lý nước rỉ rác)	Đồng/kg	312

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1783/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La, giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 472/TTr-SNV ngày 11 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La năm 2025.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ (cơ quan thường trực công tác Cải cách hành chính tỉnh) giúp Chủ tịch UBND tỉnh đôn đốc, theo dõi việc tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La năm 2025

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính (*sau đây viết tắt là CCHC*) theo lộ trình CCHC nhà nước của tỉnh theo Chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2030, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ đề ra đến hết năm 2025 nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, các hoạt động của các cơ quan nhà nước đồng bộ, thông suốt, minh bạch, nhanh chóng và hiệu quả nhằm xây dựng hệ thống cơ quan hành chính nhà nước thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong Chuyển đổi số, trong hoạt động công vụ ở các cơ quan, đơn vị, địa phương và chính quyền cấp xã. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao ý thức, trách nhiệm phục vụ người dân, tổ chức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị; chú trọng cải thiện, nâng cao các chỉ số của tỉnh.

2. Yêu cầu

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC căn bám sát nội dung Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ; chỉ đạo của Ban Chỉ đạo CCHC, của tỉnh; việc cụ thể hóa các nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh vào thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị phải bảo đảm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả, trong đó cải cách hành chính phải được xác định là một trong những tiêu chí quan trọng trong công tác thi đua - khen thưởng. Các cơ quan, đơn vị phải lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC để đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm đối với tập thể, cá nhân.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh căn cứ vào nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tế tiến hành xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí, nguồn lực và triển khai đúng, đủ, toàn diện, đồng bộ, hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch phù hợp điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính theo quy định của Chính phủ; tổ chức quán triệt thực hiện nghiêm túc chủ trương, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh cải cách hành chính. Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch đề ra đến năm 2025.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định các Chỉ số năm 2025 của cơ quan hành chính theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá.

- Thực hiện kiểm tra trực tiếp về công tác CCHC 20% các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; đẩy mạnh kiểm tra đột xuất, tập trung kiểm tra các cơ quan, đơn vị có nhiều thủ tục hành chính giao dịch với người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng Chuyên mục CCHC; thường xuyên đăng tải, cập nhật nội dung thông tin hoạt động CCHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Công/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

- Tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thân thiện, minh bạch, thông thoáng, tăng số lượng thành lập mới doanh nghiệp, giảm tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động; giảm chi phí đầu vào, chi phí cơ hội, chi phí không chính thức cho doanh nghiệp; xây dựng các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tạo thuận lợi nhất để hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, tạo động lực thu hút các nguồn lực đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần hoàn thành thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Cải cách thể chế

a) Chỉ tiêu

- Phấn đấu 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của Trung ương được cụ thể hóa hoặc triển khai kịp thời; 100% văn bản QPPL của tỉnh được rà soát, sửa đổi, bổ sung, phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương; văn bản QPPL mới ban hành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- 100% văn bản QPPL được kiểm tra kịp thời theo quy định; 100% văn bản QPPL khi phát hiện sai phạm qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.

- Phấn đấu 100% các văn bản Luật mới được Quốc hội thông qua tại các kỳ họp được tuyên truyền, phổ biến kịp thời đến cán bộ, công chức, viên chức, người dân.

- Công bố đầy đủ, chính xác, kịp thời danh mục văn bản hết hiệu lực năm 2025.

b) Nhiệm vụ

- Bám sát chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước đã phân cấp cho địa phương để xây dựng hệ thống văn bản của tỉnh liên quan đến đối tượng là người dân, trong đó chú trọng bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân và đề cao vai trò, trách nhiệm phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức Chính trị xã hội.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện khai thông nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng có hiệu quả nguồn lực và tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia

cung ứng dịch vụ trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh, ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ trong xây dựng, thi hành pháp luật.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt tập trung vào công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế của tỉnh.

- Thực hiện hiệu quả, thực chất, đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Chỉ tiêu

- Tham gia ý kiến, đề xuất (*nếu có*) với cơ quan có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa số quy định và cắt giảm chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020 (*theo kế hoạch của Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành*).

- Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

- Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên (*chỉ áp dụng đối với các thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính và đủ điều kiện thực hiện thanh toán trực tuyến*).

- Số hóa hồ sơ giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng từ bản giấy sang bản điện tử để lưu trữ, bảo quản lâu dài phục vụ cho việc tra cứu, tiếp cận, chia sẻ các thông tin về hồ sơ giải quyết TTHC trong các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng 90%, 80%, 60%; để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo quy định Điều 25, Khoản 3, Điều 27 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

- 100% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

- 100% TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh được công bố và công khai theo quy định;

100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp xã công khai đầy đủ tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh.

- Phân đầu 100% tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn và trước hạn; 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được xử lý đúng quy định.

- 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- 100% hồ sơ TTHC để chậm, muộn đều phải có giải trình trách nhiệm với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và thực hiện xin lỗi người dân theo đúng quy định.

b) Nhiệm vụ

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát, rà soát thủ tục hành chính (TTHC) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá các quy định, TTHC và đẩy mạnh thực hiện đơn giản hóa TTHC trên tất cả lĩnh vực, nhất là đối với các lĩnh vực liên quan đến người dân và doanh nghiệp, các TTHC có liên quan đến nhiều cơ quan hành chính nhằm loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp. Bảo đảm kiểm soát chặt chẽ việc công bố mới các TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, địa phương và công tác thực hiện, giải quyết các quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, tập trung giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng từ bản giấy sang bản điện tử để lưu trữ, bảo quản lâu dài phục vụ cho việc tra cứu, tiếp cận, chia sẻ các thông tin về hồ sơ giải quyết TTHC trong các cơ quan hành chính Nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường đối thoại giữa Nhà nước với doanh nghiệp và Nhân dân; công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính để Nhân dân giám sát việc thực hiện. Thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về vướng mắc, bất cập trong thực hiện TTHC, tránh để trường hợp phản ánh, kiến nghị kéo dài, vượt cấp.

- Triển khai thực hiện việc phân cấp trong giải quyết TTHC đối với các TTHC có thể phân cấp. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC.

- Tiếp tục triển khai và hoàn thành đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện các nội dung theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; thực hiện giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính; nâng cao bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Chỉ tiêu

- Bảo đảm các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã có cơ cấu bên trong theo đúng quy định tại Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ (hoặc theo văn bản sửa đổi, thay thế Nghị định này).

- Tiếp tục phấn đấu đến năm 2026 giảm tối thiểu 5% biên chế công chức; 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ cung cấp y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

b) Nhiệm vụ

- Tiếp tục tập trung quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kết luận số 126-KL/TW ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025. Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy; bố trí cán bộ, công chức, viên chức tinh gọn hiệu lực, hiệu quả theo đúng chủ trương và quy định khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; báo cáo, chỉ đạo, định hướng giải quyết các khó khăn, vướng mắc về sắp xếp tổ chức bộ máy; bố trí cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

- Rà soát, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

- Thực hiện trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp; chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang tự chủ chi thường xuyên, chi thường xuyên và chi đầu tư. Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

- Tiếp tục triển khai các Nghị định của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước theo ngành và lĩnh vực. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý ở địa phương. Ban hành và triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

- Triển khai rà soát, sắp xếp thực hiện đúng quy định về sử dụng biên chế hành chính nhà nước và quy định về số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Chỉ tiêu

- 100% các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, bổ nhiệm đúng quy trình, tiêu chuẩn theo quy định.

- Hoàn thành 100% kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức; 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn.

b) Nhiệm vụ

- Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ, Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Thông tư 002/2025/TTBNV ngày 04/4/2025 của Bộ Nội vụ; Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định về tinh giản biên chế.

- Tiếp tục triển khai, giao cơ cấu ngạch công chức, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức sự nghiệp trên toàn tỉnh. Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh giao biên chế công chức, viên chức năm 2026.

- Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm sai phạm trong thực thi công vụ; tăng cường thực hiện văn hóa công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu.

- Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm.

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2025; tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn

chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định. Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức nói chung và công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính.

6. Cải cách tài chính công

a) Chỉ tiêu

- Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 đạt từ 90% trở lên; trên 80% số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý. Phần đầu thu nội địa năm 2025 tăng khoảng 8 - 10% so với đánh giá ước thực hiện năm 2024.

- Quản lý chặt chẽ thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, phần đầu thu ngân sách nhà nước cao hơn khoảng 5% so với ước thực hiện năm 2024.

- Phần đầu trên 80% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách được xử lý kịp thời.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước (*sau đây viết tắt là NSNN*) giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN tương ứng mức giảm chi thường xuyên từ ngân sách.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên tiếp tục giảm tối thiểu 2% chi trực tiếp từ NSNN trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do NSNN đảm bảo.

- 100% các đơn vị dự toán và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện công khai ngân sách theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

- 100% UBND các xã, phường thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

- Phần đầu đến hết năm 2025, toàn tỉnh Sơn La có khoảng 4.000 doanh nghiệp, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 thành lập mới thêm khoảng 1.445 doanh nghiệp, số doanh nghiệp tư nhân thành lập mới bình quân mỗi năm khoảng 290 doanh nghiệp.

b) Nhiệm vụ

- Triển khai có hiệu quả Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ NSNN. Tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan hành chính nhà nước; thực hiện cân đối ngân sách địa phương đảm bảo triển khai các chính sách an sinh xã hội.

- Quán triệt và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025. Cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề

ra trong Nghị quyết của Trung ương nhằm đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho người dân và doanh nghiệp theo đúng quy định của Hiến pháp 2013; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và phát triển các ý tưởng kinh doanh mới, sáng tạo. Cải cách theo hướng giảm số lượng thủ tục, thời gian, chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác kiểm soát đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trong việc sử dụng có hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước; thực hiện đúng, đủ các quy định về quy chế dân chủ ở cơ sở, đặc biệt là việc công khai, minh bạch về tài chính, quyết toán và dự toán ngân sách cấp cấp xã hàng năm, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các công cụ mạng xã hội tin cậy, các ứng dụng thông minh được cơ quan nhà nước cấp phép sử dụng để đăng tải, cung cấp thông tin về minh bạch tài chính ngân sách tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, người dân tham gia, góp ý, kiểm tra, giám sát theo quy định.

- Bố trí đủ nguồn lực thực hiện cải cách chính sách tiền lương, xác định việc cải cách chính sách tiền lương là động lực quan trọng thu hút và giữ chân người tài làm việc, cống hiến cho khu vực Nhà nước. Sử dụng nguồn lực ở các đơn vị sự nghiệp đảm bảo hiệu quả, thúc đẩy phát triển hoạt động thu sự nghiệp, khai thác nguồn thu tăng tích lũy cho đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2022 - 2026.

- Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và các Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đánh giá đúng, đủ dựa trên chức năng nhiệm vụ, khối lượng công việc thực tế, tránh tình trạng cào bằng khi thực hiện giảm biên chế, thu gọn đầu mối các cơ quan, đơn vị.

7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Chỉ tiêu

- Hoàn thành các mục tiêu xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số thúc đẩy quá trình phát triển đô thị thông minh; phấn đấu vị trí xếp hạng chuyển đổi số (DTI) của tỉnh đạt mức khá trong các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

- 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền.

- 100% tỷ lệ TTHC liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.

- Có $\geq 95\%$ tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa.

- Có $\geq 70\%$ tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có $\geq 50\%$ tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.

- Có $\geq 20\%$ tỷ lệ dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.

- Có $\geq 60\%$ tỷ lệ chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thông nhất.

- 100% văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử, được ký số bằng chữ ký số chuyên dùng theo quy định (*trừ văn bản mật*).

- Trên 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; trên 60% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được tạo lập, xử lý, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu hoàn toàn dưới dạng điện tử trên môi trường mạng (*trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung.

- 50% hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Nhiệm vụ

- Triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Kế hoạch số 251/KHUBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17- NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Triển khai hiệu quả các hệ thống dùng chung phục vụ công tác quản lý, điều hành của tỉnh; duy trì có hiệu quả Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Chuyên trang

Chuyển đổi số của tỉnh; các chuyên trang, chuyên mục về Chuyển đổi số trên Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh Sơn La.

- Duy trì, triển khai có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC trực tuyến, phấn đấu tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình năm 2025 của tỉnh Sơn La đạt tỷ lệ trên 70%.

- Số hóa hồ sơ giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng từ bản giấy sang bản điện tử để lưu trữ, bảo quản lâu dài phục vụ cho việc tra cứu, tiếp cận, chia sẻ các thông tin về hồ sơ giải quyết TTHC trong các cơ quan hành chính Nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã.

- Duy trì, cập nhật triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân giải quyết TTHC để làm cơ sở số hóa và tái sử dụng toàn bộ hồ sơ giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ

Nội dung các hoạt động cụ thể *(có Phụ lục kèm theo)*.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chương trình trong phạm vi quản lý của mình; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hằng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Chú trọng công tác thi đua, khen thưởng trong CCHC.

2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội. Tăng cường sự tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

3. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, địa phương. Ưu tiên bố trí đủ nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với Nhân dân.

5. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hằng năm của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số CCHC hằng năm của các sở, ngành, UBND các xã, phường theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá 6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2025 được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước gồm: ngân sách Trung ương (*nếu có*), ngân sách cấp tỉnh, cấp xã và các nguồn khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Tài chính. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, địa phương huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định để triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND xã, phường

a) Về ban hành và thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2025

Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị trong tỉnh căn cứ các quy định hiện hành của Đảng, Chính phủ, các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính; trên cơ sở nội dung kế hoạch này cụ thể hóa, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch CCHC năm 2025. Kế hoạch phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thời điểm ban hành Kế hoạch **chậm nhất ngày 20 tháng 7 năm 2025**.

- Nội dung Kế hoạch CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương phải đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Các mục tiêu CCHC phải cụ thể, khả thi, có tính định lượng cao.

+ Các nhiệm vụ CCHC phải bao gồm đầy đủ 06 lĩnh vực cải cách. Các nhiệm vụ CCHC phải cụ thể, xác định rõ kết quả sản phẩm đầu ra, chi tiết thời gian hoàn thành và gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện. Đồng thời bố trí nguồn lực và có các giải pháp triển khai cụ thể để bảo đảm tính thực tiễn, khả thi của Kế hoạch.

b) Căn cứ vào kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2025 các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả CCHC quý III, năm, gửi UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) **trước ngày 12 của tháng cuối kỳ báo cáo**. Thời điểm chốt số liệu cụ thể như sau:

- Báo cáo Quý III năm 2025: thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng 6 năm 2025 đến hết ngày 10 tháng 9 năm 2025.

- Báo cáo năm 2025: thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2024 đến hết ngày 09 tháng 12 năm 2025.

2. Trách nhiệm của các cơ quan chủ trì thực hiện các nội dung CCHC

a) Sở Nội vụ (*là cơ quan thường trực công tác CCHC tỉnh*): chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra toàn diện công tác CCHC theo Kế hoạch; chủ trì tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện công tác CCHC của tỉnh (*định kỳ hằng quý, 6 tháng, năm theo quy định*).

b) Các cơ quan chủ trì thực hiện các nội dung CCHC gồm: Văn phòng UBND tỉnh và các sở: Nội vụ, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và phối hợp kiểm tra các nội dung CCHC; định kỳ tổng hợp kết quả triển khai nội dung CCHC do Sở chịu trách nhiệm chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện; báo cáo kết quả (*lồng ghép với báo cáo kết quả thực hiện CCHC của các cơ quan, đơn vị*), gửi về UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ để tổng hợp*).

3. Trách nhiệm của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh

Chịu trách nhiệm là đầu mối trong việc tiếp nhận, hướng dẫn, theo dõi và giải quyết hồ sơ, TTHC của tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền được giao; chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm soát chặt chẽ số liệu TTHC, thực hiện thẩm định và phê duyệt tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các cấp. Tiếp tục triển khai thực hiện việc lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức giải quyết TTHC. Báo cáo kết quả Tiếp nhận và trả kết quả TTHC theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác truyền thông nhằm tạo sự ủng hộ và tham gia của cá nhân, tổ chức đối với công tác CCHC, đồng thời giám sát việc thực hiện công tác CCHC, nhất là giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

5. Các ngành: Công an tỉnh, Thuế tỉnh, Kho bạc nhà nước Khu vực X (Đầu mối tại Sơn La), Bảo hiểm xã hội Khu vực II

a) Thực hiện tốt công tác CCHC tại cơ quan. Nâng cao trách nhiệm phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan. Tiếp tục thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp xã; tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của đơn vị thực hiện có hiệu quả dịch vụ bưu chính công ích đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

b) Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh trong giải quyết TTHC nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

6. Báo Sơn La và Phát thanh, Truyền hình tỉnh; các cơ quan thông tin, báo chí Trung ương đặt tại địa phương; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị

Xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC để tuyên truyền Kế hoạch, Chương trình, kết quả CCHC và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về CCHC của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; nêu gương điển hình tập thể, cá nhân trong thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Sơn La năm 2025, trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời (*qua Sở Nội vụ*) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền chỉ đạo, giải quyết./.

Phụ lục

DANH MỤC CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH SƠN LA NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC					
1	Kế hoạch của UBND tỉnh về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2025	Kế hoạch của UBND	Sở Tài chính	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, các đơn vị có liên quan	Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết Báo cáo năm theo quy định.	Đã hoàn thành (Kế hoạch hành động số 19/KH-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh)
2	Quyết định ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công năm 2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 01/2025 Báo cáo định kỳ quý/6 tháng/năm (lồng ghép với Báo cáo CCHC năm 2025)	Đã hoàn thành (Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 11/01/2025 của UBND tỉnh)
3	Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2025	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 08/2025	

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
		Văn bản chấn chỉnh của Chủ tịch UBND tỉnh			Báo cáo; Văn bản chấn chỉnh (tháng 11/2025).	
4	Quyết định ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 01/2025	Đã hoàn thành (Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND tỉnh)
		Báo cáo (lồng ghép với Báo cáo CCHC năm 2025)			Báo cáo định kỳ quý/6 tháng/năm (lồng ghép với Báo cáo CCHC năm 2025)	Đã hoàn thành báo cáo quý I, 6 tháng (Báo cáo số 121/BC-UBND ngày 19/3/2025; Báo cáo số 315/BC-UBND ngày 18/6/2025)
5	Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh giao	Báo cáo định kỳ theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả năm (tháng 12/2025)	
6	Báo cáo kết quả Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2024; nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân,	Báo cáo của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Báo cáo (sau khi BCĐ CCHC của Chính phủ tổ chức Hội nghị công bố)	Đã hoàn thành (Báo cáo số 226/BC-UBND ngày 09/5/2025 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
	tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025					
7	Báo cáo kết quả Chỉ số CCHC năm 2024; nhiệm vụ, giải pháp về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao Chỉ số CCHC năm 2025	Báo cáo của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Báo cáo (sau khi BCĐ CCHC của Chính phủ tổ chức Hội nghị công bố)	Đã hoàn thành (Báo cáo số 227/BC-UBND ngày 09/5/2025 của UBND tỉnh)
8	Báo cáo kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024; nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025	Báo cáo của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Báo cáo (sau khi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức Hội nghị công bố)	Đã hoàn thành (Báo cáo số 261/BC-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh)
9	Báo cáo kết quả Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công năm 2024, nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số năm 2025	Báo cáo của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Báo cáo sau khi Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học MTTQ VN; tổ chức UNDP tổ chức Hội nghị công bố	Đã hoàn thành (Báo cáo số 214/BC-UBND ngày 30/4/2025 của UBND tỉnh)
10	Quyết định Quy định về tiêu chí và quy trình xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của	Quyết định quy định về tiêu chí của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quyết định (tháng 8/2025)	

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
	các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường					
11	Quyết định quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quyết định (tháng 9/2025)	
12	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025; tổ chức điều tra; công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	- Kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh; - Công văn hướng dẫn điều tra.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	- Kế hoạch (tháng 8/2025) - Công văn hướng dẫn điều tra (Quý IV/2025)	
13	Kế hoạch Đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, định kỳ 2 lần/ năm (06 tháng 01 lần)	- Kế hoạch của UBND tỉnh - Văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, các đơn vị có liên quan	01 năm 2 lần (06 tháng/ lần)	Đã hoàn thành (Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 13/02/2025 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
		về việc xử lý, giải quyết những kiến nghị đề xuất; - Báo cáo kết quả đối thoại, tổng hợp các kiến nghị, đề xuất.				
14	Quyết định ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2026	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 12/2025	
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ					
1	Ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL	Kế hoạch của UBND tỉnh Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch tháng 01/2025 Báo cáo lần 1 (tháng 11/2025)	Đã hoàn thành (Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 09/01/2025 của UBND tỉnh)
2	Ban hành Quyết định công bố danh mục các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND tỉnh ban hành đã hết hiệu lực đến ngày 31/12/2024	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 01/2025	Đã hoàn thành (Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
3	Cập nhật kịp thời đầy đủ các văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Cập nhật văn bản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tham mưu xây dựng văn bản, Văn phòng HĐND, UBND tỉnh	Sau khi HĐND, UBND tỉnh ban hành các văn bản QPPL	
4	Ban hành Kế hoạch về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch của UBND tỉnh Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch (tháng 01/2025) Báo cáo (tháng 12/2025)	Đã hoàn thành (Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 09/01/2025 của UBND tỉnh)
5	Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành của Chính phủ, của tỉnh	Kế hoạch của UBND tỉnh Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch (tháng 1/2025) Báo cáo (quý IV/2025)	Đã hoàn thành (Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh)
6	Ban hành Kế hoạch thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch (tháng 01/2025)	Đã hoàn thành (Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 09/01/2025 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
		Báo cáo kết quả thực hiện			Báo cáo định kỳ	
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH					
1	Các văn bản chỉ đạo, triển khai công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC theo chỉ đạo của Trung ương	Công văn; kế hoạch	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên (theo chỉ đạo của Chính phủ Bộ, ngành Trung ương)	
2	Kế hoạch Kiểm soát TTHC năm 2025	Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch của UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành liên quan đến sát nhập, chia tách (từ 01/4/2025); UBND các xã, phường mới thành lập (từ 01/7/2025) ban hành Kế hoạch trước 30/7/2025	Đã hoàn thành (Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 12/02/2025 của UBND tỉnh)
		Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định			Báo cáo kết quả định kỳ quý/năm theo quy định.	
3	Kế hoạch 102/KH-UBND ngày 16/4/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn	Báo cáo kết quả thực hiện theo giai đoạn tại Kế hoạch	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện theo giai đoạn tại Kế hoạch	Đã hoàn thành (Báo cáo số 212/BC-UBND ngày 06/5/2025 của UBND tỉnh).

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
	giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026					
4	Kế hoạch Kiểm tra công tác kiểm soát TTHC năm 2025	Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch (quý III/2025)	
		Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định			Báo cáo kết quả định kỳ/năm theo quy định.	
5	Xây dựng dự thảo Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh hoặc Quyết định công bố TTHC (trong trường hợp được Luật giao) kịp thời, theo đúng quy định pháp luật	Dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Khi có Quyết định công bố TTHC của bộ, ngành, Trung ương	
6	Kiểm soát chất lượng hồ sơ trình công bố danh mục TTHC hoặc công bố TTHC đảm bảo đúng quy định của pháp luật	Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 10 Chương II Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2027	
7	Nhập, đăng tải công khai, tích hợp, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính ngay sau khi có Quyết định công bố TTHC	Báo cáo kết quả định kỳ theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Chính phủ; các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 10 Chương II Thông tư số	

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
					02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2027	
8	Công bố kết quả Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trong định kỳ hàng tháng theo đúng quy định Thực hiện Công văn số 4660/VPCP-KSTT ngày 26/7/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo kết quả định kỳ tháng/năm	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo theo định kỳ theo quy định	Đã ban hành (Công văn số 66/VPUB-KSTTHC ngày 08/01/2025; Công văn số 237/VPUB-KSTTHC ngày 04/02/2025; Công văn số 240/VPUB-KSTTHC ngày 04/02/2025; Công văn số 1441/VPUB-KSTTHC ngày 03/7/2025 của Văn phòng UBND tỉnh)
9	Tổ chức đối thoại của người đứng đầu với cá nhân, tổ chức về TTHC, giải quyết TTHC (02 lần/năm)	- Kế hoạch; - Báo cáo kết quả (lồng ghép trong Báo cáo kết quả Kiểm soát TTHC; báo cáo CCHC) theo quy định.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	- Các sở, ban, ngành liên quan đến sát nhập, chia tách từ 01/4/2025; UBND các xã, phường mới thành lập từ 01/7/2025 ban hành Kế hoạch trước 30/7/2025; - Báo cáo định kỳ năm.	

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
10	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC quý/năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026	Báo cáo của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo định kỳ theo quy định	Đã ban hành báo cáo quý I, 6 tháng (Báo cáo số 136/BC-UBND ngày 23/3/2025; Báo cáo số 356/BC-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh)
11	Triển khai nâng cấp hạ tầng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đáp ứng yêu cầu thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Báo cáo kết quả	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Viện Thông Sơn La (VNPT)	Năm 2025	
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC					
1	Trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết tổ chức lại một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Nghị quyết	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sau khi có kết luận của cấp có thẩm quyền	Đã hoàn thành (Nghị quyết số 461/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của HĐND tỉnh về việc thành lập một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh)
2	Trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 55/2023/NQ-HĐND ngày	Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 8/2025	

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
	18/4/2023 của HĐND tỉnh quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La	55/2023/NQ-HĐND				
3	Kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học công nghệ năm 2026	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quý IV/2025	
4	Quyết định giao biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND năm 2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 01/2025	Đã hoàn thành (Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 về việc giao biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện của tỉnh Sơn La năm 2025)
5	Quyết định phê duyệt phương án giao số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 01/2025	Đã hoàn thành (Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 473/QĐ-

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
						UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh; Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)
6	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh giao biên chế công chức năm 2026	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 12/2025	
7	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh giao số lượng người làm việc năm 2026	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 12/2025	
8	Quyết định giao biên chế công chức năm 2026	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 12/2025	
9	Quyết định giao số lượng người làm việc năm 2026	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 12/2025	
10	Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; nghị định số 67/2025/NĐ-CP; Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của các cơ quan, đơn vị, các xã, phường	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hàng tháng	

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
11	Kế hoạch triển khai Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công”	- Kế hoạch thực hiện; - Phiếu khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng; - Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Năm 2025 (sau khi Bộ Y tế ban hành hướng dẫn)	Đã hoàn thành (Kế hoạch số 45/KH-SYT ngày 06/2/2025 của Sở Y tế; Phiếu khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng theo quy định; Báo cáo số 307/BC-SYT ngày 11/6/2025)
12	Triển khai Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công theo Quyết định số 2034/QĐ-BGDĐT ngày 13/07/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt Đề án đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công, giai đoạn 2023 -2030	- Kế hoạch thực hiện; - Phiếu khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng; - Báo cáo kết quả thực hiện.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Năm 2025	Đã hoàn thành (Kế hoạch số 77/KH-SGDĐT ngày 16/4/2025; Công văn 948/SGDDĐT-VP ngày 25/4/2025)
V	CÁI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ					
1	Đề án vị trí việc làm và Đề án điều chỉnh vị trí việc làm của các cơ quan, địa phương, đơn vị có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức hoặc tiêu chuẩn, quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ.	- Quyết định; - Báo cáo kết quả theo quy định.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương, đơn vị	Thường xuyên (nếu có)	

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
2	Quyết định giao chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 01/2025	Đã hoàn thành (Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 02/01/2025)
3	Triển khai có hiệu quả Đề án “Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách thực hiện công tác cải cách hành chính tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025”	Kế hoạch của Sở Nội vụ - Báo cáo kết quả theo quy định.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường;	Quý I/2025 Quý III/2025	Đã hoàn thành (Kế hoạch số 309/KH-SNV ngày 27/2/2025)
5	Kiểm tra công vụ, kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính	Lồng ghép với Kế hoạch kiểm tra CCHC của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Thường xuyên	
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG					
1	Quyết định ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 của tỉnh	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Báo cáo của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quý I/2025 (sau khi có chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ ban hành) Báo cáo kết quả theo quy định	Đã hoàn thành (Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 24/01/2025) Đã ban hành báo cáo 6 tháng (Báo cáo 359/BC-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
2	Quyết định của UBND tỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 cho các xã, phường, các đơn vị dự toán trên cơ sở Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 12/2025	
3	Quyết định của UBND tỉnh quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 12/2025	
4	Phương án sắp xếp, xử lý tài sản công năm 2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quý IV/2025	Đã hoàn thành (Quyết định số 1400/ QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh; Quyết định số 1020/ QĐ-UBND ngày 01/5/2025 của UBND tỉnh; Quyết định số 1497/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh; Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh)
5	Quyết định của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý hóa	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 12/2025	

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
	giống nhau trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026					
6	Quyết định của UBND tỉnh công khai quyết toán ngân sách năm 2024 và công khai dự toán ngân sách năm 2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Tháng 12/2025	
7	Kế hoạch hoạt động KHCN và đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách KHCN năm 2025	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Năm 2025 (sau khi có Hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Đã hoàn thành (Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 25/6/2024)
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ					
1	Tham mưu triển khai hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025 (Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh)	Báo cáo kết quả định kỳ hàng tháng, quý	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025	
2	Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng chỉ số chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	- Quyết định; - Báo cáo kết quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quý IV/2025	
3	Triển khai đồng bộ các nền tảng số và hạ tầng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La	Báo cáo kết quả kiểm soát TTHC quý/ 6 tháng/năm theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Năm 2025	

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
4	Rà soát nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kĩ thuật CNTT, đặc biệt tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, đáp ứng triển khai DVCTT toàn tỉnh, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Báo cáo kết quả thực hiện lồng ghép trong báo cáo chuyên đề số định kỳ theo quy định	UBND các xã, phường	Các đơn vị có liên quan	Thường xuyên	
5	Duy trì, triển khai các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống Cổng thông tin điện tử ; Hệ thống thông tin báo cáo; Hệ thống thông tin phục vụ họp (eCabinet)	Báo cáo kết quả thực hiện lồng ghép trong báo cáo chuyên đề số định kỳ theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các xã, phường	Năm 2025	
6	Duy trì Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến; Mạng truyền số liệu chuyên dùng; Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh; Tích hợp, kết nối cơ sở dữ liệu, phát triển môi quan hệ tương tác giữa Hệ thống giám sát, điều hành thông minh và các hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành	Báo cáo kết quả thực hiện lồng ghép trong báo cáo chuyên đề số định kỳ theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các xã, phường; cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2025	
7	Duy trì Hệ thống thông tin hỗ trợ thu thập và tính toán các chỉ số chuyển đổi số tỉnh Sơn La	Báo cáo kết quả thực hiện lồng ghép trong báo cáo chuyên đề	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các xã, phường; cơ	Năm 2025	

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
		số định kỳ theo quy định		quan, đơn vị có liên quan		
8	Cập nhật khung kiến trúc số tỉnh Sơn La, phiên bản 4.0	Báo cáo kết quả thực hiện lồng ghép trong báo cáo chuyển đổi số định kỳ theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quý III/2025	
9	Tiếp tục triển khai xây dựng Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật và kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị đảm bảo 100% số dịch vụ dữ liệu của tỉnh được kết nối, tích hợp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	Báo cáo kết quả thực hiện lồng ghép trong báo cáo chuyển đổi số định kỳ theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2025	
10	Triển khai mô hình bệnh viện thông minh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh; triển khai hồ sơ bệnh án điện tử; triển khai thí điểm hệ thống điều phối dữ liệu y tế trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch; Báo cáo kết quả triển khai	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2025	

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
VIII	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI					
1	Kế hoạch xúc tiến thương mại và phát triển thương mại điện tử tỉnh năm 2025; Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Sơn La giai đoạn 2025-2030	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I/2025	Đã hoàn thành (Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 04/03/2025 của UBND tỉnh)
		Báo cáo kết quả			Báo cáo theo quy định	
2	Tiếp tục hoàn chỉnh đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp (Giai đoạn I) để thu hút các nhà đầu tư thứ cấp đồng thời phục vụ hoạt động sản xuất của các DN được thuận lợi. Hướng dẫn việc chấp hành các quy định của nhà nước, thúc đẩy sản xuất ổn định bền vững và phát triển, bảo đảm quyền lợi cho người lao động và tạo ra giá trị gia tăng cho nông sản của tỉnh.	Báo cáo định kỳ theo quy định; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các Dự án đầu tư trong Khu công nghiệp	Ban Quản lý các khu công nghiệp	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Đã hoàn thành (Báo cáo số 571/BC-BQL ngày 19/6/2025)
3	Duy trì 07 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được công nhận; Xây dựng và hình thành tối thiểu 01 vùng nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh; công văn; báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	- Quyết định tháng 12/2025 - Báo cáo năm theo yêu cầu	

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Ghi chú
4	Quyết định của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2025	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý I/2025	Đã hoàn thành (Kế hoạch hành động số 19/KH-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh)
		Báo cáo kết quả theo quy định				
5	Dự thảo Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2026	Dự thảo Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 12/2025	Đã hoàn thành (Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 11/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)
6	Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026	Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 12/2025	
7	Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026	Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Tháng 12/2025	

Phụ lục này có 72 nhiệm vụ./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/CT-UBND

Sơn La, ngày 15 tháng 7 năm 2025

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Sơn La

Sáu tháng đầu năm 2025, trên địa bàn tỉnh xảy ra các loại dịch bệnh truyền nhiễm như Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP), Lở mồm long móng (LMLM), Viêm da nổi cục (VDNC), Đại... Tổng số gia súc mắc bệnh, chết, tiêu hủy 698 con, khối lượng 34.072 kg. Đặc biệt xảy ra 03 ổ dịch Đại động vật trên địa bàn phường Tô Hiệu, phường Chiềng Cơi, phường Chiềng Sinh; 01 người chết do bệnh Đại tại xã Hua Nhân (*Tạ Khoa*). Từ 30/6/2025 đến nay dịch bệnh Viêm da nổi cục (VDNC), Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) phát sinh ở nhiều xã, phường trên địa bàn tỉnh (*Chiềng Cơi, Yên Châu, Mường Khiêng, Lóng Phiêng, Thuận Châu...*). Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin cho vật nuôi còn thấp, chưa đảm bảo tỷ lệ bảo hộ theo quy định,... Trong thời gian tới nguy cơ lây lan dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm là rất lớn. Mặt khác việc sáp nhập xã, phường dẫn đến thay đổi số lượng nhân viên thú y xã, bản; trong khi địa bàn rộng, đàn vật nuôi lớn nhưng nhân lực thú y chưa được bố trí lại kịp thời, gây khó khăn trong công tác phát hiện dịch bệnh động vật, công tác lấy mẫu giám sát dịch bệnh, công tác xử lý ổ dịch, báo cáo tình hình dịch bệnh, công tác tiêm phòng vắc xin...

Để công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm kịp thời, hiệu quả, xử lý ổ dịch ngay từ đầu, tránh lây lan bùng phát diện rộng làm thiệt hại lớn kinh tế của nhân dân và ngân sách nhà nước. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, phường, các thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật, các sở ngành liên quan tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch bệnh động vật trong đó tập trung chỉ đạo, thực hiện các nội dung sau:

1. Chủ tịch UBND các xã, phường

- Trực tiếp chỉ đạo, huy động các nguồn lực hợp pháp trên địa bàn tổ chức triển khai, thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch; phân công lực lượng chủ động triển khai giám sát dịch bệnh đến tận tổ, bản, tiểu khu, hộ chăn nuôi kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm các ổ dịch trong diện hẹp, không để dịch lây lan, không để phát sinh ổ dịch mới. Xử lý nghiêm các trường hợp dẫu dịch, chậm báo cáo làm lây lan dịch bệnh, bán chạy động vật mắc bệnh, vớt xác chết động vật ra môi trường...

- Triển khai thực hiện việc công bố dịch, chỉ đạo triển khai các giải pháp phòng, chống dịch động vật theo phân cấp quy định tại Điều 7 Nghị định số 131/2025/ND-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ, Luật Thú y, Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định về phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn, các văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp với Trạm Kỹ thuật nông nghiệp khu vực rà soát tổng đàn vật nuôi, xây dựng kế hoạch và khẩn trương chỉ đạo triển khai tiêm phòng cho đàn vật nuôi, bảo đảm đạt tối thiểu trên 80% tổng số vật nuôi hiện có được tiêm phòng đối với bệnh nguy hiểm trên đàn vật nuôi như: bệnh Đại, LMLM, VDNC,....

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức, nội dung phù hợp với từng đối tượng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân về công tác phòng bệnh cho đàn vật nuôi, nguy cơ xảy ra dịch bệnh và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật.

- Chủ động từ ngân sách dự phòng hỗ trợ công tác phòng, chống dịch, đặc biệt bố trí kinh phí chuẩn bị đầy đủ các phương tiện, vật tư, dụng cụ, hoá chất sát trùng, vôi bột, vắc xin... để ứng phó kịp thời bao vây dập tắt các ổ dịch khi mới xảy ra trong diện hẹp. Thành lập các đoàn kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống dịch bệnh động vật.

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để xảy ra dịch bệnh gia súc, gia cầm phát sinh trên diện rộng, gây thiệt hại lớn trên địa bàn quản lý.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản

- Hướng dẫn các xã, phường triển khai các giải pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi: điều tra dịch tễ, lấy mẫu bệnh phẩm, tiêm phòng vắc xin, phun tiêu độc, khử trùng, xử lý ổ dịch...

- Chỉ đạo Trạm Kỹ thuật nông nghiệp các khu vực phối hợp với các phòng chuyên môn của UBND xã, phường để triển khai công tác phòng chống dịch bệnh: tăng cường giám sát dịch bệnh, điều tra dịch bệnh, lấy mẫu bệnh phẩm, xử lý ổ dịch, tiêm phòng vắc xin, phun khử trùng tiêu độc môi trường.

- Tổ chức thực hiện nghiêm việc kiểm dịch, kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển, buôn bán động vật và sản phẩm động vật vào địa bàn; phối hợp với lực lượng chức năng kiểm tra, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trái phép.

- Thành lập đoàn công tác tổ chức kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn công tác phòng, chống dịch bệnh đặc biệt là công tác tiêm phòng vắc xin cho vật nuôi; Báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình dịch bệnh và kết quả tiêm phòng qua Hệ thống thông tin dịch bệnh động vật trực tuyến (VAHIS).

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường chủ động tham mưu cân đối nguồn kinh phí phục vụ Kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh năm 2025 và các năm tiếp theo đảm bảo các hoạt động phòng chống dịch được triển khai có hiệu quả.

4. Sở Y tế

Tăng cường phối hợp với ngành Nông nghiệp và Môi trường trong việc chia sẻ thông tin, điều tra ổ dịch, ngăn chặn tác nhân gây bệnh lây từ động vật sang người như bệnh Nhiệt thán, bệnh Cúm gia cầm, bệnh Đại..., theo đúng quy định.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí, doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn phối hợp với cơ quan chuyên môn, chính quyền cơ sở thông tin, tuyên truyền sâu rộng về tình hình dịch, các yếu tố nguy cơ, các biện pháp phòng chống dịch bệnh để người dân biết chủ động tham gia công tác phòng, chống dịch bệnh.

6. Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chi cục Quản lý thị trường, Chi cục Hải quan khu vực X, Ban Chỉ đạo 389 tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và lực lượng Thú y kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển trái phép động vật, sản phẩm động vật; đấu tranh xử lý nghiêm các các trường hợp vận chuyển trái phép động vật, sản phẩm động vật qua biên giới.

7. Các sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động chỉ đạo các cơ quan chức năng chuyên ngành phối hợp để triển khai thực hiện các biện pháp quyết liệt nhằm phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, các tổ chức đoàn thể trực thuộc tăng cường phối hợp với chính quyền các cấp vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân tự giác tuân thủ, thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh động vật.

Yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, phường, các thành viên Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật tỉnh, các sở ngành liên quan nghiêm túc thực hiện./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1787/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 15 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mức giá tối đa đối với một số công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 722/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 857/BC-SNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Báo cáo số 923/BC-SNNMT ngày 10 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức giá tối đa đối với một số công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, khi có sự thay đổi liên quan đến các quy định, căn cứ áp dụng, điều kiện thực hiện phải tính toán, điều chỉnh lại đơn giá cho phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Quyết định này làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm cho dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La và hết hiệu lực thi hành khi UBND tỉnh ban hành giá mới.

Điều 3. Dự toán kinh phí và đơn giá đấu thầu, đặt hàng thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện để nghiệm thu, thanh toán theo quy định.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình trình ban hành mức giá tối đa tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp; Trưởng Thuế tỉnh Sơn La; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực X; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục
MỨC THU TỐI ĐA ĐỐI VỚI MỘT SỐ CÔNG TÁC THU,
GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND tỉnh)

STT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
I	Khu vực đô thị loại II		
1	Dịch vụ thu gom CTRSH	Đồng/kg	612
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	222
3	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức sản xuất	Đồng/kg	408
4	Xử lý nước rỉ rác	Đồng/m ³	104.000
5	Vệ sinh bãi tập kết	Đồng/điểm	56.000
II	Khu vực đô thị loại III, IV, V		
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH	Đồng/kg	612
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	233
3	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức chôn lấp	Đồng/kg	100
	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức đốt	Đồng/kg	312
4	Xử lý nước rỉ rác	Đồng/m ³	104.000
5	Vệ sinh bãi tập kết	Đồng/điểm	56.000
III	Khu vực còn lại		
1	Dịch vụ thu gom CTRSH	Đồng/kg	612
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	233
3	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức chôn lấp	Đồng/kg	100
	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng hình thức đốt	Đồng/kg	312
4	Xử lý nước rỉ rác	Đồng/m ³	104.000
5	Vệ sinh bãi tập kết	Đồng/điểm	56.000

Ghi chú:

Mức giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, trong quá trình triển khai thực hiện áp dụng mức thuế giá trị gia tăng đầu ra theo quy định hiện hành.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com